

Số: 38 /BC-THCC2

Mường Nhé, ngày 31 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 –2025

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06
năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2

2. Địa chỉ trụ sở

Bản Nậm Sin – xã Mường Nhé – tỉnh Điện Biên

Địa chỉ Email: thchungchai2@gmail.com

Trang thông tin điện tử: <https://thchungchaiso2.muongnhe.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Trường thuộc loại hình công lập do nhà nước đầu tư. Trường thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Mường Nhé

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

a. Sứ mệnh

Nhà trường có sứ mạng tổ chức giáo dục, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân cách cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

b. Tầm nhìn

Đến năm 2028 trường đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1, có quy mô phát triển hiện đại, là điểm sáng về chất lượng giáo dục ở xã Mường Nhé. Trường có chất lượng giáo dục toàn diện, phù hợp với mô hình giáo dục hiện đại và xu thế phát triển của địa phương, của tỉnh.

c. Mục tiêu

Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; ứng dụng tích cực công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ. Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung; Giáo dục và rèn luyện học sinh trở thành những công dân tương lai: mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kỹ năng sống tốt, biết tự học, có tinh thần trách nhiệm và nỗ lực sáng tạo không ngừng.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 được thành lập từ năm 2016

trên cơ sở tách ra từ trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải, theo quyết định số 956/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2016 của UBND huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (nay là xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên). Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 là một ngôi trường khi mới thành lập, trường có nhiều điểm trường, trụ sở chính của nhà trường được đặt tại bản Nậm Sin, cơ sở vật chất đã xuống cấp qua nhiều năm sử dụng. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền đặc biệt là UBND huyện Mường Nhé (cũ). Đến nay trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 được tu sửa khang trang theo kiến trúc cấp IV đưa vào sử dụng từ năm học 2014- 2015 và nhà 2 tầng đưa vào sử dụng từ năm học 2022- 2023 , trường gồm 5 điểm trường lẻ. Trung tâm được đặt tại Bản Nậm Sin, xã Chung Chải, huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên. (nay là xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên). Với sự phấn đấu nỗ lực của CB, GV, NV qua nhiều thời kỳ cùng với sự quan tâm chăm lo của các cấp đã mang lại những thành quả to lớn. Qua các giai đoạn, trường được xây dựng và phát triển ngày càng lớn mạnh về chất lượng giáo dục, khẳng định được vị thế, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương.

6. Thông tin người đại diện để liên hệ

Họ và tên: Trịnh Văn Lập

Chức vụ: Phó hiệu trưởng phụ trách

Địa chỉ nơi làm việc: Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2

Số điện thoại: 0944899322

Địa chỉ gmail: lapxuan.namke@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 được thành lập từ năm 2016 trên cơ sở tách ra từ trường Tiểu học PTDTBT TH Chung Chải, theo quyết định số 956/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2016 của UBND huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (nay là xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên)..

b. Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Hiệu trưởng: Chưa có

Phó Hiệu trưởng:

+ Ông: Trịnh Văn Lập, được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 và giao phụ trách theo Quyết định số Quyết định số 133/QĐ- UBND ngày 23/07/2025 của UBND xã Mường Nhé.

+ Ông: Trần Vũ An, được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 theo Quyết định số Quyết định số 1334QĐ- UBND ngày 23/07/2025 của UBND xã Mường Nhé.

Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức của nhà trường:

Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của UBND xã Mường Nhé.

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường bao gồm: Tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục; nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên; nhiệm vụ và quyền của học sinh; tài sản và tài chính của nhà trường; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Nhiệm vụ và quyền hạn của trường

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ Chưa có Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng (1Hiệu phó được giao phụ trách)

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 28 đảng viên.

+ Ban đại diện CMHS có 06 thành viên.

+ Có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trịnh Văn Lập	Phó hiệu trưởng phụ trách	0944.899.322	Lapxuan.namke@gmail.com

2	Trần Vũ An	Phó Hiệu trưởng	0948.979421	Antam1971@gmail.com
---	------------	-----------------	-------------	---------------------

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

NỘI DUNG	Tổng số	Số nữ	Đạt chuẩn ĐT	Trên chuẩn	Chưa đạt
Viên chức quản lý	2	0	2	0	0
Giáo viên+TPT	32	9	32	0	0
Nhân viên	3	0	1	0	2
Hợp đồng ND.111	2	1	0	0	2
Tổng cộng	39	10	35	0	4

2. Số lượng Cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

NỘI DUNG	Tổng số	Số nữ	Đạt chuẩn	Ghi chú
Viên chức quản lý	2	0	2	
Giáo viên+TPT	32	9	32	
Tổng cộng	34	9	34	

3. Số lượng, tỷ lệ Cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng theo quy định

NỘI DUNG	Tổng số	Số nữ	Hoàn thành chương trình BDTX	Ghi chú
Viên chức quản lý	2	0	2	
Giáo viên+TPT	32	9	32	
Tổng cộng	34	9	34	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024.
1	Diện tích đất	13.792m ²	13.292 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	3.456,8 m ²	3.206m ²

3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	0	0
4	Số đầu sách	0	0
5	Số bản sách/người học	0	0

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên điểm trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trung tâm	Bản Nậm Sin, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.	8000	2.246,4
2	Nậm Vì 1	Bản Nậm Vì 1, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.	352	201,4
3	Hua Sin	Bản Hua Sin, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.	450	186
4	Húi To 1	Bản Húi To 1, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.	874	72
5	Húi To 2	Bản Húi To 2, xã Nậm Kè, tỉnh Điện Biên.	1142	209,8
6	Nậm Khum	Bản Huổi Khon 1, xã Nậm Kè, tỉnh Điện Biên.	2632	515

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Tu sửa và xây mới (các công trình phụ trợ)	Trung tâm	500.000.000
2	Làm kè cạnh suối và sau khu nhà ở cho học sinh bán trú	Trung tâm	3.000.000.000
3	Xây mới 2 phòng học và 1 phòng công cụ	Điểm trường Húi To 2	500.000.000
Tổng cộng			4.000.000.000

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Để công tác tự đánh giá và Đánh giá ngoài được thực hiện theo đúng tinh thần hướng dẫn của các văn bản. Hội đồng tự đánh giá Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 đã tiến hành rà soát, tự đánh giá đúng quy trình theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT. Kết quả tự đánh giá cụ thể như sau:

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.3	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 1.4	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 1.5	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.6	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 1.7	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.8	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.9	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.10	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 2	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt	Không đạt
Tiêu chuẩn 3	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.1	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 3.5	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chuẩn 4	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 4.1	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Không đạt	Không đạt
Tiêu chuẩn 5	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.1	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt	Đạt

*Kết quả tự đánh giá:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Tổng số tiêu chí đạt Mức 1: 27/27 tiêu chí – Đạt tỉ lệ: 100% Tổng số tiêu chí đạt Mức 2: 12/27 tiêu chí – Đạt tỉ lệ: 44,4% Tổng số tiêu chí đạt Mức 3: 8/19 tiêu chí – Đạt tỉ lệ: 42,1%.

- Mức đánh giá của Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2: Mức 1
Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

Chỉ tiêu giao năm học 2024-2025: 472 HS/20 lớp.

Kết quả tuyển sinh thực tế: 82 HS/4 lớp.

2. Thống kê trường, lớp, học sinh

Tổng số học sinh trong năm học 2024-2025 là 472 hs/20 lớp: khối 1: 82 em/4 lớp; khối 2: 101 em/6 lớp; khối 3: 91 em/3 lớp; khối 4: 108 em/4 lớp; khối 5: 90 em/3 lớp.

3. Thống kê kết quả học sinh

Kết quả xếp loại phẩm chất học sinh: Tổng số học sinh được đánh giá 457/472 (15 học sinh khuyết tật học hòa nhập không đánh giá)

STT	Phẩm chất	TS	Tốt	Tỷ lệ (%)	Đạt	Tỷ lệ (%)	Cần cố gắng	Tỷ lệ (%)
1	Yêu nước	457	96	21	361	79	0	0
2	Nhân ái	457	97	21,2	360	78,8	0	0
3	Chăm chỉ	457	96	21	361	79	0	0
4	Trung thực	457	96	21	361	79	0	0
5	Trách nhiệm	457	96	21	361	79	0	0

Kết quả xếp loại năng lực chung: Tổng số học sinh được đánh giá 457/472 (15 học sinh khuyết tật học hòa nhập không đánh giá)

Tổng số	Tự chủ và tự học			Giao tiếp & hợp tác			Giải quyết vấn đề và sáng tạo			Số HSKT không ĐGXL
	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	
457	91	365	1	91	365	1	91	365	1	15

Kết quả xếp loại năng lực đặc thù:

Tổng số	Ngôn ngữ			Tính toán		Khoa học				Thẩm mỹ			Thể chất			Công nghệ			Tin học		
	T	Đ	C C G	T	Đ	C C G	T	Đ	C C G	T	Đ	C C G	T	Đ	CC G	T	Đ	CC G	T	Đ	CC G
457	88	368	1	92	364	1	86	370	1	87	370	0	89	368	0	46	230	1	46	230	1

Chất lượng giáo dục 2 môn Toán và Tiếng Việt: 457/472 em (15 học sinh khuyết tật học hòa nhập không tham gia đánh giá)

Tổng số HS	Môn Toán						Môn Tiếng Việt						Ghi chú
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
457	125	27,35	331	72,45	1	0.2	58	12,7	398	87,1	1	0,2	

Xếp loại chung: 409/414 (5 HSKT học hòa nhập không tham gia đánh giá)

Tổng số HS được đánh giá	HT Xuất sắc	Tỉ lệ	Hoàn thành tốt	Tỉ lệ	Hoàn thành	Tỉ lệ	Chưa HT	Tỉ lệ
457	19	4,15	61	13,35	376	82,3	1	0,2%

- Học sinh chuyên lớp đạt: $471/472 = 99,8\%$

- Học sinh HTCTTH đạt: $89/90 = 99,8\%$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025. (số liệu quyết toán)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	KP giao	KP quyết toán	Dự toán
A	NGÂN SÁCH HUYỆN (6 tháng đầu năm 2025)			
I	Các khoản thu. NSNN giao	15.860.140.800	8.739.825.283	7.120.315.517
1	Nguồn NS chi thường xuyên (13)	12.940.243.000	6.605.635.483	6.334.607.517
2	Nguồn NS chi thường xuyên (14)	96.225.000	0	96.225.000
3	Nguồn không thường xuyên (12)	2.531.831.800	2.134.189.800	397.642.000
4	Nguồn không thường xuyên (18)	291.841.000	0	291.841.000
II	Các khoản chi	15.472.074.800	8.739.825.283	6.732.249.517
	Nguồn KP tự chủ (13)	12.940.243.000	6.605.635.483	6.334.607.517
1	Tiền lương		1.652.912.014	
2	Tiền công trả cho LĐ hợp đồng		80.212.289	
3	Phụ cấp lương		4.049.866.021	
4	Các khoản đóng góp		443.272.114	
5	Thanh toán dịch vụ công cộng		22.208.351	
6	Vật tư văn phòng		42.209.000	
7	Thông tin, tuyên truyền liên lạc		15.623.708	
8	Công tác phí		130.640.000	
9	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		14.291.986	
10	Mua sắm tài sản phục vụ công tác		55.900.000	

	chuyên môn			
11	Mua sắm tài sản vô hình		900.000	
12	Chi khác		78.100.000	
13	Chi lập quỹ phúc lợi		19.500.000	
	Nguồn KP không tự chủ (12)	2.531.831.800	2.134.189.800	397.642.000
1	Hỗ trợ học sinh bán trú theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	1.454.895.000	1.454.895.000	0
2	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP, cấp bù miễn giảm học phí	339.750.000	339.750.000	0
3	Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	235.872.000	147.420.000	88.452.000
4	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	140.400.000	140.400.000	0
5	Phần mềm	63.114.800	51.724.800	11.390.000
STT	Nội dung	KP giao	KP quyết toán	Dự dự toán
B	NGÂN SÁCH XÃ (6 tháng cuối năm 2025)			
I	Các khoản thu. NSNN giao	9.022.895.938	8.922.839.314	100.056.624
1	Nguồn NS chi thường xuyên (13)	6.403.506.938	6.403.506.938	0
2	Nguồn NS chi thường xuyên (14)	96.225.000	0	96.225.000
3	Nguồn không thường xuyên (12)	1.881.599.000	1.877.873.946	3.725.054
4	Nguồn không thường xuyên (15)	414.565.000	414.458.440	106.560
5	Nguồn không thường xuyên (18)	227.000.000	226.999.990	10
II	Các khoản chi	8.926.670.938	8.922.839.314	3.831.624
	Nguồn KP tự chủ (13)	6.403.506.938	6.403.506.938	0
1	Tiền lương		1.630.276.434	
2	Tiền công trả cho LĐ hợp đồng		80.446.926	
3	Phụ cấp lương		4.015.664.472	
4	Phúc lợi tập thể		21.232.875	
5	Các khoản đóng góp		423.633.962	
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		85.354.016	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng		25.962.491	
8	Vật tư văn phòng		33.698.230	
9	Thông tin, tuyên truyền liên lạc		6.936.772	
10	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		8.062.960	
11	Mua sắm tài sản vô hình		16.765.800	
12	Chi khác		35.972.000	
13	Chi lập quỹ phúc lợi		19.500.000	
	Nguồn KP không tự chủ (12)	1.881.599.000	1.877.873.946	3.725.054

1	Hỗ trợ học sinh bán trú theo NĐ 66/2025/NĐ-CP	1.034.337.000	1.034.337.000	0
2	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ-CP, cấp bù miễn giảm học phí	275.730.000	272.550.000	3.180.000
3	Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	228.852.000	228.852.000	0
4	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	44.880.000	44.928.000	-48.000
5	Mua sắm trang thiết bị dạy và học	297.800.000	297.206.946	593.054
	Nguồn KP không tự chủ (15)	414.565.000	414.458.440	106.560
1	Hỗ trợ học sinh bán trú theo NĐ 66/2025/NĐ-CP	384.565.000	384.506.440	58.560
2	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	30.000.000	29.952.000	48.000
	Nguồn KP không tự chủ (18)	227.000.000	226.999.990	10
1	Chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	227.000.000	226.999.990	10

2. Công khai các khoản thu năm học 2024 – 2025 và dự kiến năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024 - 2025			
1	Bảo vệ	Đồng/HS	75.000	
II	Năm học 2025 - 2026			
1	Bảo vệ	Đồng/HS	80.000	

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học năm 2025 (Bao gồm học kỳ II năm học 2024 -2025 và học kỳ I năm học 2025 – 2026)

ĐVT: Đồng

Nội dung	Số HS	Số tiền	Ghi chú
1. HS hưởng chế độ CPHT		612.300.000	
- Học kỳ II năm học 2024 – 2025 (theo NĐ 81/2021)	453	339.750.000	
- Học kỳ I năm học 2025 – 2026 (theo NĐ 238/2025)	457, 454, 453	272.550.000	
3. Chế độ HS khuyết tật năm		215.280.000	
- Học kỳ II năm học 2024 - 2025			
+ Học bổng	15	140.400.000	
- Học kỳ I năm học 2025 - 2026			
+ Học bổng	10	74.880.000	
4. Chế độ HS dân tộc rất ít người (được 12 tháng)		376.272.000	
- 8 tháng đầu năm 2025 (Kì II năm học 2024-2025)	21	235.872.000	
- 4 tháng cuối năm 2025 (Kì I năm học 2025-2026)	25	140.400.000	
5. Chế độ HS bán trú theo NĐ 116/2016, NĐ 66/2025		2.873.738.440	

a. Học kỳ II năm học 2024 – 2025 (NĐ 116/2016)		1.454.895.000	
- Chế độ tiền ăn của HS	294	1.375.920.000	
- KP phục vụ nấu ăn	5	78.975.000	
b. Học kỳ I năm học 2025 – 2026 (NĐ 66/2025)		1.418.843.440	
- Chế độ tiền ăn của HS	299, 296	1.122.264.000	
- Chế độ dụng cụ TDTT	296	53.221.440	
- Chế độ tủ thuốc	296	53.280.000	
- KP phục vụ nấu ăn	7	132.678.000	
- Hỗ trợ kinh phí quản lý HSBT ngoài giờ lên lớp	7	57.400.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, kho bạc năm tài chính 2025

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	0	
2	Số dư tiền TK tại kho bạc		
	A. Ngân sách Huyện (6 tháng đầu 2025)	7.120.315.517	
	- Nguồn 12	397.642.000	
	- Nguồn 13	6.334.607.517	
	- Nguồn 14	96.225.000	
	- Nguồn 18	291.841.000	
	B. Ngân sách Xã (6 tháng cuối 2025)	100.056.624	
	- Nguồn 12	3.725.054	
	- Nguồn 13	0	
	- Nguồn 14	96.225.000	
	- Nguồn 15	106.560	
	- Nguồn 18	10	
3	Số dư TK tiền gửi tại ngân hàng	0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2024-2025 với chủ đề “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”, tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, chú trọng các biện pháp nâng

cao chất lượng giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt tập thể, hoạt động trải nghiệm.

Với những nhiệm vụ trọng tâm trên, tập thể viên chức và người lao động Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2 đã nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các nội dung công việc, cụ thể:

1. Thực hiện chuyên môn

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo Chương trình GDPT 2018. Thực hiện đầy đủ nội dung chương trình theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Quản lí, tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Giảng dạy đầy đủ các nội dung lồng ghép theo quy định. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm.

Phân công chuyên môn phù hợp với năng lực công tác và tình hình nhân sự thực tế của đơn vị. Việc bố trí giáo viên giảng dạy các lớp, bộ môn hợp lí, phù hợp với chuyên môn và sở trường của từng giáo viên. Bồi dưỡng và phát huy vai trò của nhóm trưởng, từng bước hướng dẫn học sinh ý thức tự học, hợp tác nhóm, hoàn thành hoạt động ứng dụng. Thực hiện nhiều giải pháp để giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập.

Triển khai các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh, chú trọng việc nhận xét, động viên, góp ý học sinh trong quá trình học tập. Đổi mới hoạt động đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong năm đã tổ chức được chuyên đề dạy học cấp trường về ứng dụng AI trong công tác dạy học và sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học nhằm định hướng cho giáo viên trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính tự học, hợp tác, sáng tạo của học sinh. Việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn, học bồi dưỡng thường xuyên đảm bảo thiết thực, hiệu quả, được tổ chức qua hoạt động cụ thể.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chương trình, giảng dạy của giáo viên. Lãnh đạo nhà trường thường xuyên kiểm tra, dự giờ để chia sẻ, giúp đỡ giáo viên và tham dự sinh hoạt cùng với tổ chuyên môn; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Giáo viên có kế hoạch bài dạy các môn được phân công, đảm bảo thời gian lên lớp, vận dụng và phối hợp được nhiều phương pháp trong giảng dạy giúp học sinh tự tìm tòi phát hiện ra những kiến thức mới; mỗi học sinh đều được tham gia phát biểu trong giờ học, rèn kỹ năng theo đặc trưng từng phân môn, từng bước phát triển năng lực, phẩm chất.

2. Chất lượng giáo dục

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học (HTCTTH lớp 5):

Khối	Tổng số/nữ	Số HS/nữ hoàn thành chương trình lớp học (HTCTTH lớp 5)	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	82/44	82/44	100	

2	10/53	10/53	100	
3	91/40	91/40	100	
4	108/51	108/51	100	
5	90/41	89/40	99	
Tổng cộng	472/229	472/228	99,8	

- Kết quả danh hiệu khen thưởng cuối năm:

Khối	Sĩ số	Học sinh Xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	82	9	11	11	13,4
2	101	3	3	18	17,8
3	91	1	1,1	12	13,18
4	108	0	0	11	10,18
5	90	6	6,7	9	10
Cộng	472	19	4,0	61	13,0

-Thành tích đạt được qua các hội thi do các cấp tổ chức:

Thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện 7 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 2 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Công tác quản lý

Nhà trường có đầy đủ các loại kế hoạch, nội dung chi tiết, cụ thể phù hợp với nhiệm vụ công tác; có nhận xét, đánh giá, điều chỉnh bổ sung kịp thời. Phối hợp với tổ chức Công đoàn nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện các Quy chế hoạt động của đơn vị như Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở, Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, Quy chế sử dụng tài sản, Quy tắc ứng xử văn hóa, Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của các cấp, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2024 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về*” “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, sức mạnh dân tộc, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập trong giai đoạn mới” gắn với thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Tăng cường công tác phổ biến và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật; triển khai và tổ chức cho viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh ký cam kết thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành, địa phương và nhà trường phát động.

Kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường được xây dựng ngay từ đầu năm học, đã được lãnh đạo Phòng GD&ĐT phê duyệt; qua từng thời điểm kiểm tra theo dõi đánh giá kết quả, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Quy trình tổ chức kiểm tra thực hiện đúng quy định. Mỗi đối tượng được kiểm tra đều lưu giữ hồ sơ kiểm tra đầy đủ (Quyết định thành lập tổ kiểm tra; biên bản kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra; thông báo kết luận kiểm tra). Mỗi biên bản kiểm tra thể hiện đầy đủ, rõ ràng nội dung, ghi nhận những điểm mạnh, điểm còn hạn chế và những kiến nghị cụ thể đối với đối tượng được kiểm tra.

Hàng tháng kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, việc tổ chức thực hiện kế hoạch của nhà trường, các tổ và các bộ phận. Thông qua dự giờ, kiểm tra việc thực hiện chương trình, công tác soạn - giảng của giáo viên và hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh. Kiểm tra việc quản lý các hồ sơ, sổ sách hành chính; kiểm tra đạo đức công vụ, việc thực hiện quy tắc văn hóa công sở, quy chế dân Chủ trong nhà trường; tự kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu. Thường xuyên kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; kiểm tra cảnh quan vệ sinh trường lớp, các khu vệ sinh.

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; nhà trường phối hợp với tổ chức công đoàn ban hành Quy chế thực hiện dân chủ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; chuẩn mực hóa thái độ, tác phong của viên chức, NLĐ trong đơn vị.

Phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của tập thể; mọi hoạt động của đơn vị đều được thông qua Hội đồng trường và đưa ra hội đồng sư phạm bàn bạc, đóng góp ý kiến và đưa vào Nghị quyết để thực hiện. Ban thanh tra nhân dân phát huy hiệu quả hoạt động, giám sát mọi hoạt động của đơn vị. Ban chấp hành công đoàn, ban thanh tra nhân dân phối hợp với lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Lãnh đạo nhà trường đã thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong quan hệ và giải quyết công việc.

Viên chức, NLĐ nghiêm túc chấp hành nội quy, quy chế làm việc của nhà trường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp, quy tắc ứng xử, nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện đúng quy định về công tác tài chính; giải quyết đúng, kịp thời chế độ chính sách cho viên chức và người lao động; đảm bảo quyền lợi cho học sinh theo các văn bản chỉ đạo. Tổ chức nghiêm túc việc xét nâng lương trước thời hạn, nâng lương thường xuyên, xét khen thưởng và xếp loại viên chức cuối năm.

Làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp để sửa chữa cơ sở vật chất, bàn ghế học sinh. Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cho công tác dạy và học. Công tác cải tạo cảnh quan, vệ sinh trường lớp được nhà trường thực hiện tốt. Cảnh quan nhà trường thoáng đãng, đảm bảo xanh, sạch và đẹp.

Trích một phần kinh phí từ ngân sách được cấp để mua sắm, tu sửa nhỏ cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nhà trường đã triển khai cho bộ phận thiết bị quản lý

theo dõi sử dụng thiết bị dạy học. Báo cáo tình hình thiết bị dạy học và việc sử dụng các thiết bị dạy học của giáo viên để lãnh đạo nhà trường kịp thời điều chỉnh bổ sung nhằm phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Chỉ đạo bảo vệ thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, nước; kịp thời sửa chữa các thiết bị điện không an toàn; trực cơ quan 24/24, bảo quản tốt tài sản nhà trường.

Đầu năm học, nhà trường tham mưu với Ban đại diện Cha mẹ học sinh thống nhất các khoản mua giúp cho học sinh và được sự đồng ý của cha mẹ học sinh qua cuộc họp cha mẹ học sinh lớp. Đã công khai công tác thu chi qua cuộc họp cha mẹ học sinh lớp. Ngoài các khoản thu trên, nhà trường không thu thêm khoản nào từ học sinh.

Vận động các tổ chức từ thiện, các mạnh thường quân hỗ trợ sách, vở, chăn chiếu, giày dép cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Hỗ trợ sơn để nhà trường sửa chữa các phòng học đã xuống cấp.

Học sinh trên địa bàn ra lớp đạt tỉ lệ 100%. Hồ sơ cập nhật kịp thời và lưu trữ đầy đủ, được kiểm tra công nhận địa phương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, XMC mức độ 2 năm 2024. Duy trì kết quả kiểm định chất lượng cấp độ 1.

3. Ứng dụng CNTT, công tác Chuyển đổi số

Tuyên truyền và tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của tỉnh, huyện và của Phòng Giáo dục và Đào tạo về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ của nhà trường; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, cha mẹ học sinh trong nhà trường.

Rà soát, đánh giá lại toàn bộ hạ tầng CNTT của nhà trường để đáp ứng việc triển khai các ứng dụng CNTT. Áp dụng phần mềm quản lý nhà trường; ứng dụng CNTT trong tổ chức các cuộc họp, hội thảo, báo cáo chuyên đề; ứng dụng CNTT trong việc lưu trữ hồ sơ, sắp xếp hồ sơ; ứng dụng CNTT trong việc quản lý chuyên môn, quản lý hồ sơ, đánh giá học sinh điện tử. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý học sinh, quản lý nhân sự, quản lý thư viện, thiết bị, quản lý tài chính, ...

4. Công tác báo cáo, hội họp

Thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo đầy đủ, đúng quy định đối với Phòng GD&ĐT và cấp trên. Cập nhật kịp thời các văn bản, thông tin từ website của Phòng GD&ĐT và từ hộp thư điện tử của trường. Tham dự đầy đủ, đúng thành phần và nghiêm túc các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do các cấp tổ chức.

5. Xây dựng môi trường sư phạm và tham gia các phong trào tại địa phương và các hoạt động của ngành

Tăng cường công tác phổ biến và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật; triển khai và tổ chức cho viên chức, người lao động và học sinh ký cam kết thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành, địa phương và nhà trường phát động. Trích một phần kinh phí từ ngân sách được cấp để mua sắm, tu sửa nhỏ cơ sở vật chất, trang thiết bị. Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, nước; kịp thời sửa chữa các thiết bị điện không an toàn; trực cơ quan 24/24, bảo quản tốt tài sản nhà trường.

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cho công tác dạy và học. Công tác

cải tạo cảnh quan, vệ sinh trường lớp được nhà trường thực hiện tốt. Công tác vệ sinh trường học được đảm bảo, sân trường có nhiều cây bóng mát, có thảm cỏ và bồn hoa; nhà vệ sinh sạch sẽ. Lớp học được trang trí, sắp xếp gọn gàng, có cây xanh tạo môi trường học tập thân thiện; có đủ nguồn nước uống đảm bảo vệ sinh cho học sinh toàn trường. Thực hiện tốt việc sơ cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh; học sinh tham gia BHYT đạt tỷ lệ 100%.

Công tác tư vấn tâm lý học đường rất được nhà trường quan tâm. Tổ tư vấn đã đi vào hoạt động từ đầu năm học, đã xây dựng kế hoạch, phân công các mảng tư vấn phù hợp với khả năng của từng thành viên; phân công lịch trực, có nhật ký theo dõi công tác tư vấn, họp tổ tư vấn.

***Mô hình mới đã được áp dụng**

- Tên mô hình: Chuyển đổi số trong quản trị và dạy học.

- Nội dung:

+ Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về chuyển đổi số.

Tuyên truyền và tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của tỉnh, huyện và của Phòng Giáo dục và Đào tạo về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ của nhà trường, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, cha mẹ học sinh trong nhà trường.

+ Công tác quản lý, chỉ đạo của nhà trường

Rà soát, đánh giá lại toàn bộ hạ tầng CNTT của nhà trường để đáp ứng việc triển khai các ứng dụng CNTT. Áp dụng phần mềm quản lý nhà trường; ứng dụng CNTT trong tổ chức các cuộc họp, hội thảo, báo cáo chuyên đề; ứng dụng CNTT trong việc lưu trữ hồ sơ, sắp xếp hồ sơ; ứng dụng CNTT trong việc quản lý chuyên môn, quản lý hồ sơ, đánh giá học sinh điện tử. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý học sinh, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tập huấn Chương trình GDPT 2018.

Rà soát, hoàn thiện các thông tin của đơn vị (trường, lớp, đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất) trên hệ thống CSDL ngành. Kịp thời cập nhật dữ liệu từng năm, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định trực tiếp trên hệ thống CSDL toàn ngành. Lập nhóm Zalo của trường, Chi bộ, tổ chuyên môn, nhóm GVCN để kịp thời triển khai các hoạt động. Thành lập nhóm zalo của từng lớp để GVCN và GV bộ môn kịp thời liên lạc, thông tin với cha mẹ học sinh về tình hình học sinh; thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của học sinh cho phụ huynh qua tin nhắn zalo của lớp, Email và website của nhà trường.

Triển khai dịch vụ (qua ngân hàng) các khoản thu hộ, bảo hiểm, thỏa thuận, xã hội hóa. Phân công giáo viên, nhân viên phụ trách các phần mềm; giáo

viên Tin học nghiên cứu và triển khai các nội dung liên quan đến CNTT. Thường xuyên kiểm tra và đánh giá việc ứng dụng CNTT của đơn vị.

+ Công tác tổ chức các hoạt động dạy và học

Thực hiện ứng dụng CNTT vào đổi mới phương pháp dạy học phù hợp yêu cầu thực tiễn; ứng dụng CNTT trong sinh hoạt tổ chuyên môn; áp dụng triển khai hệ thống học tập.

- Kết quả đạt được của mô hình:

Nhà trường có Website được kết nối liên thông với cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, mạng internet cho 100% các phòng học bộ môn và các phòng chức năng. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, được bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết trong môi trường số; sử dụng máy tính tham gia cuộc họp, tập huấn, hội thảo.

Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý học sinh, quản lý nhân sự, quản lý thư viện, thiết bị, quản lý tài chính, tập huấn Chương trình GDPT 2018. Tổ chức tuyển sinh; chuyên trường trực tuyến. Triển khai thu học phí và các khoản thu khác không dùng tiền mặt. 100 % giáo viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy đạt hiệu quả.

STT	Các mặt thực hiện	Kết quả trong năm học 2024-2025
I	Thành tích giáo viên	
	<i>Giảng dạy:</i>	
01	GV dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp trường	17 GV dạy giỏi
02	GV dạy giỏi cấp Huyện	7 GV dạy giỏi
03	GV dạy giỏi cấp tỉnh	2 GV dạy giỏi
	<i>Sáng kiến giải pháp:</i>	
01	SKKN cấp trường	13
	II. Thành tích học sinh:	
01	Số học sinh Hoàn thành chương trình lớp học:	382/382
02	Số HSHTCT Tiểu học	89/90
03	Học sinh Xuất sắc	19/472
04	Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt	61/472
III	Kết quả xét duyệt thi đua và đề nghị Xét trong năm	
01	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	7/39
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	37/37
02	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	6/39
03	Lao động tiên tiến cấp cơ sở	37/39
04	Bằng khen cấp Tỉnh	0
05	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	0
IV	Tập thể trường	LĐTT

01	Tập thể Lao động Tiên tiến cấp cơ sở	Đạt
----	--------------------------------------	-----

Trên đây là báo cáo năm học 2024-2025 (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 2./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- VC,NLĐ;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Văn Lập